

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ DAL-ICHI LIFE VIỆT NAM
DFVN

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFVN
(DFVN – CAF)
(DFVN Capital Appreciation Fund)

Tháng 09 năm 2018

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	6
II. CÁC ĐỊNH NGHĨA	6
CHƯƠNG I	11
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG	11
ĐIỀU 1. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ CỦA QUỸ DFVN-CAF	11
ĐIỀU 2. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ	11
ĐIỀU 3. TỔNG VỐN HUY ĐỘNG VÀ SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ CHÀO BÁN.....	11
ĐIỀU 4. CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN HUY ĐỘNG VỐN VÀ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ	11
ĐIỀU 5. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	12
ĐIỀU 6. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	12
CHƯƠNG II	13
CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	13
ĐIỀU 7. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ.....	13
ĐIỀU 8. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ.....	13
ĐIỀU 9. HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	14
ĐIỀU 10. HOẠT ĐỘNG VAY, CHO VAY, GIAO DỊCH KÝ QUỸ.....	15
ĐIỀU 11. PHƯƠNG PHÁP LỰA CHỌN ĐẦU TƯ	16
CHƯƠNG III	18
NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	18
ĐIỀU 12. NHÀ ĐẦU TƯ	18
ĐIỀU 13. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	18
ĐIỀU 14. SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ.....	18
ĐIỀU 15. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	19
ĐIỀU 16. MUA LẠI MỘT PHẦN, TẠM DỪNG GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	21
ĐIỀU 17. GIÁ PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU, GIÁ PHÁT HÀNH/GIÁ BÁN, GIÁ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ	22
ĐIỀU 18. CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ ĐỊNH KỲ (“SIP”).....	22
ĐIỀU 19. CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỞ HỮU CHỨNG CHỈ QUỸ PHI THƯƠNG MẠI.....	23
CHƯƠNG IV	24
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	24
ĐIỀU 20. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	24
ĐIỀU 21. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	24
ĐIỀU 22. ĐIỀU KIỆN, THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ.....	25

ĐIỀU 23. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ.....	25
ĐIỀU 24. PHẢN ĐỐI QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	27
CHƯƠNG V	29
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ.....	29
ĐIỀU 25. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	29
ĐIỀU 26. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ.....	29
ĐIỀU 27. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ.....	29
ĐIỀU 28. CHỦ TỊCH BAN ĐẠI DIỆN QUỸ.....	30
ĐIỀU 29. THỦ TỤC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ.....	31
ĐIỀU 30. ĐÌNH CHỈ VÀ BÃI MIỄN THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ.....	31
ĐIỀU 31. CUỘC HỌP BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	32
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	33
ĐIỀU 32. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	33
ĐIỀU 33. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	33
ĐIỀU 34. CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI QUỸ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ... 37	
ĐIỀU 35. HẠN CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	38
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	40
ĐIỀU 36. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	40
ĐIỀU 37. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	40
ĐIỀU 38. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	41
ĐIỀU 39. CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI QUỸ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	44
CHƯƠNG VIII.....	45
CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH LIÊN QUAN	45
ĐIỀU 40. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC ỦY QUYỀN.....	45
ĐIỀU 41. TIÊU CHÍ LỰA CHỌN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN.....	45
ĐIỀU 42. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN	46
ĐIỀU 43. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐÃ ỦY QUYỀN	47
ĐIỀU 44. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN	47
CHƯƠNG IX.....	49
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH.....	49
ĐIỀU 45. ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ.....	49
ĐIỀU 46. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH.....	49
ĐIỀU 47. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ NGHIỆP VỤ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ.....	51

CHƯƠNG X	53
KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	53
ĐIỀU 48. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN VÀ THAY ĐỔI CÔNG TY KIỂM TOÁN	53
ĐIỀU 49. NĂM TÀI CHÍNH	53
ĐIỀU 50. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	53
ĐIỀU 51. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	53
ĐIỀU 52. BÁO CÁO KHÁC.....	53
CHƯƠNG XI	54
GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	54
ĐIỀU 53. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG	54
ĐIỀU 54. QUY TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ.....	54
ĐIỀU 55. ĐÈN BÙ THIẾT HẠI CHO NHÀ ĐẦU TƯ, QUỸ.....	59
ĐIỀU 56. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ LỰA CHỌN, THAY ĐỔI TỔ CHỨC CUNG CẤP BÁO GIÁ	59
CHƯƠNG XII	61
THU NHẬP VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	61
ĐIỀU 57. THU NHẬP CỦA QUỸ.....	61
ĐIỀU 58. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA QUỸ.....	61
CHƯƠNG XIII	63
GIÁ DỊCH VỤ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ	63
ĐIỀU 59. GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, GIÁ DỊCH VỤ MUA LẠI, GIÁ DỊCH VỤ CHUYỂN ĐỔI CHỨNG CHỈ QUỸ.....	63
ĐIỀU 60. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ	63
CHƯƠNG XIV	66
TÁI CƠ CẤU QUỸ	66
ĐIỀU 61. CÁC ĐIỀU KIỆN HỢP NHẤT, SÁP NHẬP.....	66
ĐIỀU 62. CÁC ĐIỀU KIỆN TÁCH QUỸ	66
ĐIỀU 63. CÁC ĐIỀU KIỆN GIẢI THỂ QUỸ	66
CHƯƠNG XV	67
GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH	67
ĐIỀU 64. KIỂM SOÁT XUNG ĐỘT LỢI ÍCH GIỮA QUỸ VÀ CÁC QUỸ KHÁC, CÁC KHÁCH HÀNG ĐẦU TƯ UỶ THÁC CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ GIỮA QUỸ VÀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	67
CHƯƠNG XVI	68
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ QUỸ	68
ĐIỀU 65. CÔNG BỐ THÔNG TIN, CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ.....	68

ĐIỀU 66. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ QUỸ	68
ĐIỀU 67. ĐĂNG KÝ ĐIỀU LỆ QUỸ.....	68
ĐIỀU 68. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	69
PHỤ LỤC SỐ 1	70
CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	70
PHỤ LỤC SỐ 2	72
CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	72
PHỤ LỤC SỐ 3	73
CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	73

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Điều lệ này được lập phù hợp với những quy định của pháp luật sau:

- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật số 62/2010/QH12 ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 (“**Luật Chứng khoán**”);
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 7 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán (“**Nghị định 58**”);
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2015 bổ sung một số điều của Nghị định 58 (“**Nghị định 60**”);
- Thông tư số 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 12 năm 2012 hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty Quản lý Quỹ (“**Thông tư 212**”);
- Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập và quản lý quỹ mở (“**Thông tư 183**”);
- Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 183 (“**Thông tư 15**”);
- Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở (“**Thông tư 198**”);
- Thông tư số 242/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 11 tháng 11 năm 2016 quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào Thị trường Chứng khoán (“**Thông tư 242**”); và
- Các văn bản pháp luật có liên quan khác bao gồm cả các văn bản pháp lý sửa đổi, hướng dẫn, thay thế các văn bản trên vào từng thời điểm.

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Tại Điều lệ này, các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

- | | |
|-----------------------------------|--|
| “Quỹ” hoặc “Quỹ DFVN-CAF” | Là Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN thuộc loại hình Quỹ đại chúng dạng Quỹ mở và thực hiện chào bán Chứng chỉ quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ. |
| “Công ty Quản lý Quỹ” hoặc “DFVN” | Là Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 53/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 10 tháng 02 năm 2014 và được thay đổi tại từng thời điểm. Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt |

	Nam được ủy thác quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này.
“Ngân hàng Giám sát”	Là Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng HSBC”), được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/9/2008, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/12/2013 cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện và (iii) các dịch vụ khác được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện theo các điều khoản của Hợp đồng Giám sát. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
“Công ty Kiểm toán”	Là Công ty Kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định.
“Điều lệ Quỹ”	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
“Bản Cáo bạch”	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và lưu hành Chứng chỉ của Quỹ.
“Hợp đồng Giám sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát, được Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ thông qua.
“Nhà đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng chỉ Quỹ.
“Đại hội Nhà đầu tư”	Là Đại hội của Nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ.
“Ban Đại diện Quỹ”	Là những người đại diện cho Nhà đầu tư được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
“Vốn Điều lệ”	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại Đợt Phát hành Chứng chỉ Quỹ Lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này.

“Đơn vị Quỹ”	Là Vốn Điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau khi kết thúc Đợt Phát hành Lần đầu ra công chúng. Mệnh giá Đơn vị Quỹ của Đợt Phát hành Lần đầu là 10.000 đồng/Đơn vị. Mỗi Đơn vị Quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
“Chứng chỉ Quỹ DFVN-CAF” hay “Chứng chỉ Quỹ”	Là chứng khoán do Công ty Quản lý Quỹ đại diện cho Quỹ phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ theo tỷ lệ tương ứng với số Đơn vị Quỹ của Nhà đầu tư đó đang sở hữu.
“Số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu duy trì tài khoản”	Là số dư Chứng chỉ Quỹ tối thiểu cần duy trì hoạt động của Tài khoản Giao dịch Chứng chỉ Quỹ (chỉ áp dụng kiểm tra đối với giao dịch bán hoặc bán chuyển đổi).
“Giá bán/Giá Phát hành”	Là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một Đơn vị Quỹ. Giá bán/Giá Phát hành được quy định tại Điều 17, Điều lệ Quỹ.
“Giá Mua lại”	Là mức giá mà Quỹ sẽ trả cho Nhà đầu tư để mua lại từ Nhà đầu tư một Đơn vị Quỹ được quy định tại Điều 17, Điều lệ Quỹ.
“Giá Dịch vụ Phát hành Lần Đầu”	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi mua một Chứng chỉ Quỹ trong đợt Phát hành Lần đầu ra công chúng. Giá Dịch vụ Phát hành Lần đầu được tính theo tỷ lệ phần trăm trên mệnh giá Chứng chỉ Quỹ quy định tại Bản Cáo bạch và Điều lệ Quỹ.
“Giá Dịch vụ Phát hành”	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi mua một Chứng chỉ Quỹ từ Quỹ tại các kỳ giao dịch tiếp theo. Giá dịch vụ này được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
“Giá Dịch vụ Mua lại”	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi bán lại Chứng chỉ Quỹ cho Quỹ. Giá Dịch vụ Mua lại được trừ đi từ giá trị giao dịch Chứng chỉ Quỹ và được khấu trừ ngay khi Quỹ thanh toán cho Nhà đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch.
“Giá Dịch vụ Chuyển đổi”	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi thực hiện chuyển đổi đầu tư giữa các Quỹ mở do Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam quản lý. Giá Dịch vụ Chuyển đổi được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị thực hiện chuyển đổi.
“Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ”	Là giá dịch vụ mà Quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý Quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Cổ tức Quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
“Năm tài chính”	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy Chứng nhận

	Đăng ký lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
“Giá trị Tài sản Ròng”	Là tổng giá trị thị trường các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ được tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định giá.
“Ngày Định giá”	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán và Điều lệ Quỹ, bao gồm các Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ và các ngày khác mà Giá trị Tài Sản Ròng của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo hoặc các mục đích khác.
“Ngày Giao dịch”	Là Ngày Định giá mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ.
“Thời điểm đóng Sổ lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà Đại lý Phân phối/Đại lý Ký danh nhận lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư để thực hiện trong Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
“Đại lý Phân phối”	Là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh tế khác đã đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ quỹ mở và được Công ty Quản lý Quỹ chỉ định thực hiện phân phối Chứng chỉ quỹ cho Quỹ DFVN-CAF.
“Đại lý Ký danh”	Là Đại lý Phân phối không bao gồm tổ chức kinh tế khác đứng tên chủ sở hữu Tài khoản Ký danh, được Công ty Quản lý Quỹ chỉ định thực hiện phân phối Chứng chỉ quỹ cho Quỹ DFVN-CAF, thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ thay mặt cho các Nhà đầu tư tại Sở phụ.
“Đại lý Chuyển nhượng”	Là tổ chức cung cấp các dịch vụ sau được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền: <ul style="list-style-type: none"> (i) Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà đầu tư, Tài khoản Ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ; (ii) Ghi nhận các Lệnh mua, Lệnh bán, Lệnh Chuyển đổi của Nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ; cập nhật Sổ chính; (iii) Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư.
“Tài khoản Giao dịch”	Là tài khoản của Nhà đầu tư do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, yêu cầu mở tại các Đại lý Phân phối được chỉ định của Quỹ để thực hiện việc giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
“Tài khoản Ký danh”	Là tài khoản thuộc sở hữu của các Nhà đầu tư tại Sở phụ và đứng tên Đại lý Phân phối, do Công ty Quản lý Quỹ quản lý. Tài khoản này được chia thành các tiểu khoản đặc biệt, độc lập, ứng với mỗi Nhà đầu tư tại Sở phụ.

“Tiểu khoản Ký danh”	Là tài khoản của Nhà đầu tư tại Sở phụ của Đại lý Ký danh được chỉ định của Quỹ mở tại Đại lý Chuyển nhượng để thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
“Chương trình Đầu tư Định kỳ” (SIP)	Là chương trình đầu tư mà Nhà đầu tư có thể đăng ký để thực hiện hoạt động đầu tư tự động đều đặn định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý hoặc một định kỳ khác được quy định tùy từng thời điểm nhằm thực hiện hoạt động tích lũy dài hạn một cách dễ dàng, thuận tiện nhất. Chương trình sẽ được kích hoạt sau đợt Phát hành Lần đầu vào thời điểm công bố bởi Công ty Quản lý Quỹ.
“Hạng mục đầu tư lớn của Quỹ”	Là hạng mục đầu tư vào các loại giấy tờ có giá và chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức (bao gồm công cụ thị trường tiền tệ, công cụ chuyển nhượng, chứng khoán, theo quy định tại Điều 8.3 (b), (d), (e) và (g) của Điều lệ Quỹ), có tổng giá trị chiếm từ năm phần trăm (5%) trở lên trên tổng Giá trị Tài sản của Quỹ.
“Các định nghĩa khác”	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

CHƯƠNG I

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ĐIỀU 1. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ CỦA QUỸ DFVN-CAF

Tên Tiếng Việt : Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN
Tên Tiếng Anh : DFVN Capital Appreciation Fund
Tên viết tắt : DFVN-CAF
Địa chỉ : Tầng 11, 149 – 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-28) 3810 0888 Fax: (84-28) 3844 9835
Website : <http://dfvn.com.vn>

ĐIỀU 2. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

- 2.1 Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“Quỹ DFVN-CAF”) thuộc loại hình Quỹ đại chúng dạng Quỹ mở, theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- 2.2 Quỹ DFVN-CAF không bị giới hạn thời hạn hoạt động.

ĐIỀU 3. TỔNG VỐN HUY ĐỘNG VÀ SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ CHÀO BÁN

- 3.1 Vốn Điều lệ huy động trong đợt Phát hành Lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là: 50.000.000.000 VNĐ (Năm mươi tỷ đồng).
- 3.2 Tổng số Đơn vị Quỹ phát hành trong đợt Phát hành Lần đầu ra công chúng sẽ bằng Vốn Điều lệ chia cho mệnh giá của Đơn vị Quỹ, tối thiểu là 5.000.000 (Năm triệu) Đơn vị Quỹ.
- 3.3 Mệnh giá của mỗi Đơn vị Quỹ là 10.000 VNĐ (Mười ngàn đồng).
- 3.4 Nhà đầu tư góp vốn bằng tiền Đồng dưới hình thức chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát.

ĐIỀU 4. CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN HUY ĐỘNG VỐN VÀ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ

- 4.1 Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN chỉ định Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“DFVN”) làm đại diện duy nhất huy động vốn và phát hành Chứng chỉ Quỹ DFVN-CAF.
- 4.2 Người Đại diện theo pháp luật của DFVN được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ DFVN-CAF ra công chúng.

ĐIỀU 5. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Tên tiếng Việt:	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
Tên tiếng Anh:	DAI-ICHI LIFE VIETNAM FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED
Tên viết tắt:	DFVN
Giấy phép thành lập và hoạt động:	Số 53/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10 tháng 02 năm 2014, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 15/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 14 tháng 07 năm 2015 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 47/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 11 tháng 07 năm 2018
Trụ sở chính:	Tầng 11, 149 – 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(84-28) 3810 0888 Fax: (84-28) 3844 9835

ĐIỀU 6. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Tên Ngân hàng:	Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam)
Giấy phép thành lập và hoạt động:	Số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký:	Số 05/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2013
Trụ sở chính:	Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(84-28) 3829 2288 Fax: (84-28) 6256 3633

CHƯƠNG II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

ĐIỀU 7. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Quỹ DFVN-CAF đặt mục tiêu tăng trưởng vốn và tài sản của Nhà đầu tư, phần đầu cao hơn mức tăng trưởng của Thị trường Chứng khoán Việt Nam (VN-Index) trong dài hạn, bằng việc đầu tư chủ yếu vào các cổ phiếu niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

ĐIỀU 8. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

8.1 Chiến lược đầu tư

Quỹ DFVN-CAF sẽ đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết có mức vốn hóa lớn trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam. Việc lựa chọn ngành nghề và công ty được thực hiện trên cơ sở đánh giá giá trị (value style), phân tích cơ bản (fundamental analysis) và đánh giá các yếu tố thị trường.

Điều kiện lựa chọn công ty như sau:

- Là công ty trong nhóm dẫn đầu ngành nghề kinh doanh
- Có tình trạng tài chính lành mạnh
- Có dòng tiền ổn định, chất lượng tài sản tốt
- Có hệ thống quản trị doanh nghiệp tin cậy.

8.2 Lĩnh vực ngành nghề dự định đầu tư

Lĩnh vực đầu tư chính của Quỹ DFVN-CAF tập trung vào cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, cổ phiếu sắp niêm yết và cổ phiếu các doanh nghiệp cổ phần hóa.

8.3 Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư

- a) Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- b) Ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- c) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- e) Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành. Trường hợp đầu tư vào chứng khoán chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - Có đủ tài liệu chứng minh việc tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán trong thời gian mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch.
- f) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

8.4 Tỷ trọng phân bổ tài sản đầu tư của Quỹ

Tài sản đầu tư	Tỷ trọng (% Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ)
Cổ phiếu	50% - 100%
Tiền gửi ngắn hạn (*)	0 - 49%
Tiền trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng giám sát	Là phần còn lại sau khi đầu tư vào hai (02) loại tài sản nêu trên.

(*) Kỳ hạn tối đa là ba (03) tháng; Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi tại các Ngân hàng có định mức tín nhiệm thích hợp, trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

ĐIỀU 9. HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

9.1 Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau:

- a) Danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành;
- b) Ngoại trừ tiền trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại Điều 8.3 (a), (b) của Điều lệ này;
- c) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Điều 8.3 (a), (b), (d), (e), (f) và (g) của Điều lệ này, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư 183;
- d) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- e) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;

- f) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Điều 8.3 (e) của Điều lệ này;
 - g) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ;
 - h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ, không vượt quá Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ;
 - i) Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
 - j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.
- 9.2 Trừ trường hợp quy định tại Điều 9.1 điểm (h), (i), (j) của Điều lệ này, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau:
- a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - b) Do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
 - c) Do thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
 - d) Do hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thu tóm các tổ chức phát hành;
 - e) Do Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ;
 - f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
- 9.3 Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư theo quy định tại Điều 9.1 của Điều lệ Quỹ này trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh.
- 9.4 Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
- 9.5 Công ty Quản lý Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại Điều 8.3 (a), (b) của Điều lệ Quỹ này, phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

ĐIỀU 10. HOẠT ĐỘNG VAY, CHO VAY, GIAO DỊCH KÝ QUỸ

- 10.1 Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi ngân hàng theo quy định tại Điều 8.3 (a) của Điều lệ Quỹ này;
- 10.2 Công ty Quản lý Quỹ không được vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện các thanh toán giao dịch Chứng chỉ quỹ với

Nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản phải trả, không được quá năm phần trăm (5%) tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày;

- 10.3 Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; và/hoặc sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán;
- 10.4 Quỹ DFVN-CAF được thực hiện giao dịch mua bán lại (repo) trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ.

ĐIỀU 11. PHƯƠNG PHÁP LỰA CHỌN ĐẦU TƯ

11.1 Phương pháp lựa chọn đầu tư

Quỹ DFVN-CAF sẽ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động để tìm kiếm, xác định và lựa chọn các cơ hội đầu tư. Căn cứ vào các nghiên cứu, phân tích cơ bản nền kinh tế vĩ mô, phân tích công ty, các yếu tố thị trường, Quỹ sẽ xây dựng mô hình phân bổ tài sản phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ và phù hợp với điều kiện thị trường ở mỗi giai đoạn khác nhau. Đối với từng khoản đầu tư, Quỹ sẽ tập trung tìm kiếm và khai thác các khoản đầu tư có giá trị thị trường hấp dẫn so với giá trị cơ bản, các khoản đầu tư có xu hướng tăng trưởng dài hạn. Đồng thời Quỹ cũng xác định những rủi ro đối với danh mục đầu tư và có biện pháp kiểm soát đối với những rủi ro này. Nhờ đó, danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các tài sản đầu tư có chất lượng cao và có thể gia tăng được giá trị thông qua chiến lược quản lý đầu tư chủ động của Quỹ.

11.2 Phương pháp lựa chọn cổ phiếu

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu các công ty niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn, thanh khoản cao của những doanh nghiệp dẫn đầu ngành, có nhiều lợi thế cạnh tranh, có tiềm năng tăng trưởng dài hạn, năng lực quản trị tốt minh bạch, tiềm lực tài chính tốt và có khả năng sinh lời vượt trội. Tuy nhiên, Quỹ cũng sẽ phân bổ một phần tài sản vào cổ phiếu các công ty niêm yết có giá trị vốn hóa và thanh khoản mặc dù không cao nhưng định giá tốt và có tiềm năng tăng trưởng rõ rệt trong tương lai.

Việc lựa chọn cổ phiếu trong Danh mục đầu tư của Quỹ được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Phân tích từ trên xuống để xác định ngành nghề có tiềm năng tăng trưởng

Quỹ sẽ áp dụng phương pháp phân tích *từ trên xuống* bao gồm phân tích vĩ mô, phân tích ngành nhằm lựa chọn ra các ngành nghề hiệu quả, có tiềm năng tăng trưởng. Sau đó lựa chọn các công ty dẫn đầu ngành, các công ty tốt, có những ưu thế riêng biệt để phân tích. Bước đánh giá ngành giúp Quỹ có thể tập trung đầu tư vào các ngành có tiềm năng tăng trưởng.

Bước 2: Lựa chọn công ty có chất lượng tốt đáp ứng các tiêu chí đầu tư

- Giá trị vốn hóa và thanh khoản lớn, dẫn đầu thị trường trong ngành và năng lực hoạt động.
- Tầm nhìn và năng lực của Ban điều hành.

- Chính sách quản trị tốt, minh bạch.
- Tình hình tài chính lành mạnh.
- Khả năng sinh lời vượt trội so với các công ty khác trong ngành.
- Tiềm năng tăng trưởng dài hạn.

Các tiêu chí này được đánh giá dựa trên phương pháp phân tích cơ bản công ty, thông qua các tài liệu, báo cáo tài chính định kỳ, phỏng vấn trực tiếp với Hội đồng Quản trị, Ban điều hành các công ty, đánh giá các khách hàng, nhà cung cấp, đe dọa từ đối thủ mới, cạnh tranh giữa các công ty cùng ngành.

Ngoài ra, Quỹ cũng chủ động tìm kiếm các công ty không thuộc những ngành được xác định ở Bước 1, nhưng vẫn đáp ứng đủ các tiêu chí về định giá, lợi thế cạnh tranh và các tiêu chí ở Bước 2 để đảm bảo lựa chọn cho Quỹ một danh mục đầu tư đa dạng và có chất lượng cao.

Bước 3: Đa dạng hóa danh mục đầu tư

Dựa trên việc phân tích các chỉ số cơ bản, tiềm năng tăng trưởng công ty và ngành, hiệu quả hoạt động, rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính, tính thanh khoản... Quỹ sẽ chủ động xây dựng danh mục đầu tư đa dạng gồm các cổ phiếu của các công ty trong các ngành nghề khác nhau.

11.3 Về cấu trúc và chiến lược quản trị danh mục, Quỹ sẽ phân bổ tài sản theo nguyên tắc sau:

- (i) Ưu tiên đầu tư một tỷ trọng lớn vào các cổ phiếu thỏa tiêu chí nêu trên trong các ngành nghề kinh tế cơ bản, tăng trưởng bền vững và phù hợp với chu kỳ kinh tế;
- (ii) Mức độ phân bổ vào từng cổ phiếu cao hơn (overweigh) hay thấp hơn (underweigh) so với tỷ trọng cổ phiếu đó trong chỉ số chứng khoán so sánh chuẩn, cùng hoạt động tái cấu trúc danh mục (rebalancing) sẽ được xác định dựa trên tương quan giữa định giá và giá cổ phiếu, cũng như xu hướng dịch chuyển của các ngành trong điều kiện kinh tế. Các yếu tố thị trường cũng được xem xét.

CHƯƠNG III

NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

ĐIỀU 12. NHÀ ĐẦU TƯ

- 12.1 Nhà đầu tư của Quỹ có thể là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
- 12.2 Nhà đầu tư pháp nhân bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do Người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư pháp nhân ký.

ĐIỀU 13. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

- 13.1 Nhà đầu tư có các quyền sau:
- a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số lượng Chứng chỉ Quỹ nắm giữ;
 - b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ tương ứng với số lượng Chứng chỉ Quỹ nắm giữ còn lại;
 - c) Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ (nếu có);
 - d) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội Nhà đầu tư;
 - e) Các quyền khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
- 13.2 Nhà đầu tư có các nghĩa vụ sau:
- a) Tuân thủ Điều lệ Quỹ, chấp hành quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
 - b) Thanh toán đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ theo đúng thời gian quy định và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ;
 - c) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ này.

ĐIỀU 14. SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ

- 14.1 Công ty Quản lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ là Đại lý Chuyển nhượng lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời Sổ đăng ký Nhà đầu tư (Sổ chính) hoặc Đại lý Ký danh lập và quản lý Sổ phụ và xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư.
- 14.2 Sổ chính và Sổ phụ phải có đầy đủ các thông tin sau:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng Giám sát; tên đầy đủ của Quỹ DFVN-CAF;

- b) Thông tin Nhà đầu tư
- (i) Đối với cá nhân: Họ và tên của Nhà đầu tư; số Chứng minh Nhân dân/Thẻ Căn cước Công dân hoặc số Hộ chiếu (đối với cá nhân nước ngoài) còn hiệu lực; địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ thư điện tử (email) (nếu có);
 - (ii) Đối với tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; họ và tên, số Chứng minh Nhân dân/Thẻ Căn cước Công dân hoặc số Hộ chiếu (đối với cá nhân nước ngoài) còn hiệu lực, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- c) Số tài khoản; hoặc số tiểu khoản kèm theo số Tài khoản Ký danh; mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà đầu tư nước ngoài);
- d) Số lượng Chứng chỉ Quỹ sở hữu; ngày đăng ký sở hữu (vào Sổ chính); và
- e) Các nội dung khác như quy định của Pháp luật và Đại lý Chuyển nhượng sau khi được sự đồng ý của Công ty Quản lý Quỹ.
- 14.3 Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Chuyển Nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà đầu tư, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên Tài khoản Ký danh (trừ Nhà đầu tư giao dịch trên Tài khoản Ký danh nước ngoài). Thông tin về tài sản của Nhà đầu tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.

ĐIỀU 15. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

- 15.1 Sau thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ có hiệu lực, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ nhưng không ít hơn hai (02) lần một (01) tháng.
- 15.2 Tần suất giao dịch của Quỹ:
- a) Chứng chỉ Quỹ được giao dịch một (01) lần một (01) tuần, vào các ngày thứ Ba hàng tuần (“Ngày Giao dịch”).
 - b) Nếu Ngày Giao dịch rơi vào ngày nghỉ của Thị trường Chứng khoán Việt Nam, hoặc ngày tạm ngừng giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (trường hợp này tùy thuộc vào sự quyết định của Công ty Quản lý Quỹ) thì Ngày Giao dịch của Quỹ sẽ được chuyển sang Thứ ba (ngày làm việc) của tuần tiếp theo.
 - c) Việc tăng tần suất giao dịch sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thông báo công khai, cập nhật chỉnh sửa, phần thay đổi này vào Bản Cáo bạch, báo cáo Đại hội Nhà đầu tư gần nhất và cập nhật sửa đổi này tại Điều lệ Quỹ, thông báo cho Ngân hàng Giám sát và công bố thông tin theo quy định pháp luật. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

- 15.3 Lệnh giao dịch phải được gửi tới Đại lý Phân phối đã công bố tại Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
- 15.4 Lệnh mua được chấp nhận khi hồ sơ đăng ký mua được Đại lý Chuyển nhượng chấp nhận và Nhà đầu tư đã thực hiện việc thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát bằng tiền đồng Việt Nam. Ngân hàng Giám sát xác nhận với Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc đã nhận đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Chi tiết về Lệnh mua được quy định tại Bản Cáo bạch.
- 15.5 Lệnh bán được chấp nhận để thực hiện khi số lượng Đơn vị Quỹ đăng ký bán được Đại lý Chuyển nhượng xác nhận là do Nhà đầu tư đó nắm giữ. Chi tiết về Lệnh bán được quy định tại Bản Cáo bạch.
- 15.6 Lệnh Chuyển đổi nhằm bán Đơn vị Quỹ của Quỹ này để mua Đơn vị Quỹ của Quỹ khác cùng do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, trong trường hợp các Quỹ kia có quy định cho phép chuyển đổi quỹ. Lệnh Chuyển đổi được thực hiện theo nguyên tắc sau:
- Lệnh Bán đối với Đơn vị Quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện Lệnh mua của Đơn vị Quỹ mục tiêu;
 - Các Lệnh được thực hiện tại các Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ của các Quỹ tương ứng;
 - Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán Giá Dịch vụ Chuyển đổi, phí chuyển tiền và thuế (nếu phát sinh) theo quy định mà không phải thanh toán Giá Dịch vụ Phát hành, Giá Dịch vụ Mua lại đối với các lệnh thực hiện theo quy định tại Điểm a, b Khoản này.
- 15.7 Các Lệnh giao dịch được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch. Lệnh giao dịch nhận được trước Thời điểm đóng Sổ lệnh được thực hiện vào Ngày Giao dịch. Các Lệnh nhận sau Thời điểm đóng Sổ lệnh được thực hiện vào Ngày Giao dịch tiếp theo.
- 15.8 Thời điểm đóng Sổ lệnh
- Thời điểm đóng Sổ lệnh là thời điểm cuối cùng mà Đại lý Phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư để thực hiện trong Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ;
 - Thời điểm đóng Sổ lệnh: Là 11h30 phút ngày làm việc liền trước Ngày Giao dịch của Quỹ.
- 15.9 Phương thức thanh toán: Tất cả các khoản thanh toán để mua Chứng chỉ Quỹ mở đều phải thực hiện bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, từ tài khoản của Nhà đầu tư hoặc Người được Nhà đầu tư ủy quyền hợp lệ. Trường hợp Lệnh mua Chứng chỉ Quỹ và việc thanh toán cho Lệnh mua được thực hiện bởi Người được ủy quyền thì Phiếu lệnh phải nêu rõ tên, số tài khoản, số Chứng minh Nhân dân/Thẻ Căn cước Công dân hoặc số Hộ chiếu (đối với cá nhân nước ngoài) và giá trị thanh toán của Nhà đầu tư được hưởng lợi.
- 15.10 Nhà đầu tư có thể tham gia mua Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình Đầu tư Định kỳ (“SIP”). Cách thức đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ, khoản đầu tư tối thiểu, thời điểm đóng sổ lệnh, phương thức thanh toán, giá dịch vụ giao dịch và các quy định liên quan đến Chương trình Đầu tư Định kỳ được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch.

ĐIỀU 16. MUA LẠI MỘT PHẦN, TẠM DỪNG GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

16.1 Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần Lệnh bán, Lệnh Chuyển đổi của Nhà đầu tư, Đại lý Ký danh trong một trong các trường hợp sau:

- a) Tổng giá trị các Lệnh bán (kể cả Lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các Lệnh mua (kể cả Lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; hoặc
- b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà đầu tư dẫn tới Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc
- c) Do yếu tố khách quan của thị trường, Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ vào Ngày Giao dịch.

16.2 Trong trường hợp Quỹ chỉ đáp ứng một phần của Lệnh bán, Lệnh chuyển Đổi, Công ty Quản lý Quỹ sẽ áp dụng theo nguyên tắc phân bổ lệnh theo cùng một tỷ lệ (pro-rata) đối với tất cả Nhà đầu tư. Lệnh bán, Lệnh Chuyển đổi được thực hiện theo tỷ lệ giữa tổng giá trị lệnh có thể thực hiện được và tổng giá trị đăng ký giao dịch. Nếu số Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư còn lại ít hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu duy trì tài khoản quy định tại Bản Cáo bạch thì Công ty Quản lý Quỹ tự động mua lại toàn bộ số Chứng chỉ Quỹ còn lại đó vào kỳ giao dịch liền sau theo mức giá và phương thức giao dịch chung; đồng thời nếu xét thấy cần thiết Công ty Quản lý Quỹ được quyền quyết định đóng tài khoản của một Nhà đầu tư bất kỳ sau một (01) năm nếu như không có những hoạt động giao dịch nhằm duy trì số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu. Nếu số Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư còn lại nhiều hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu duy trì tài khoản quy định tại Bản Cáo bạch thì Lệnh bán, Lệnh Chuyển đổi của Nhà đầu tư đối với số Chứng chỉ Quỹ còn lại được tự động hủy bỏ và tài khoản của Nhà đầu tư vẫn được duy trì theo quy định chung.

16.3 Đối với trường hợp quy định tại Khoản a) Điều 16.1 của Điều lệ này, Công ty Quản lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi (30) ngày, kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

16.4 Chứng chỉ Quỹ có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng; hoặc
- b) Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ vào Ngày Giao dịch do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ; hoặc
- c) Theo yêu cầu của UBCKNN xét thấy là cần thiết.

16.5 Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày, kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất.

16.6 Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại Điều 16.4 của Điều lệ này, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về việc giải thể Quỹ, hoặc tách Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

- 16.7 Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư.

ĐIỀU 17. GIÁ PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU, GIÁ PHÁT HÀNH/GIÁ BÁN, GIÁ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

- 17.1 Giá Phát hành Lần đầu ra công chúng của một Chứng chỉ Quỹ bằng mệnh giá của Chứng chỉ Quỹ cộng với Giá Dịch vụ Phát hành.
- 17.2 Giá Phát hành/Giá bán của một Chứng chỉ Quỹ cho các lần tiếp theo được xác định bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tính tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất sau ngày Nhà đầu tư nộp Lệnh mua Chứng chỉ Quỹ hợp lệ cộng với Giá Dịch vụ Phát hành.
- 17.3 Giá Mua lại của một Chứng chỉ Quỹ được xác định bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tính tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất sau ngày Nhà đầu tư nộp Lệnh bán Chứng chỉ Quỹ hợp lệ trừ đi Giá Dịch vụ Mua lại.

ĐIỀU 18. CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ ĐỊNH KỲ (“SIP”)

- 18.1 Nhà đầu tư có quyền lựa chọn SIP bằng cách điền vào mẫu biểu dành riêng cho Chương trình này. Việc lựa chọn SIP cho phép Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư định kỳ một cách hiệu quả, giảm thiểu các vấn đề thủ tục và được hưởng các ưu đãi về phí giao dịch (nếu có) như công bố trong Bản Cáo bạch.
- 18.2 Khi tham gia Chương trình SIP, Nhà đầu tư đồng ý với Điều kiện và Điều khoản do Công ty Quản lý Quỹ quy định. Chi tiết Chương trình SIP được quy định cụ thể tại Bản Cáo bạch của Quỹ tại từng thời kỳ.
- 18.3 Chương trình SIP có các kỳ hạn và định kỳ đầu tư linh hoạt. Nhà đầu tư có thể lựa chọn Chương trình SIP kỳ hạn hàng tháng hoặc hàng quý hoặc một định kỳ khác được Công ty quản lý quỹ công bố cụ thể tùy từng thời kỳ. Nhà đầu tư có thể thay đổi chu kỳ thanh toán cũng như số tiền thanh toán đăng ký thông qua việc cập nhật thay đổi giao dịch SIP tại các Đại lý Phân phối và Đại lý Ký danh.
- 18.4 Nhà đầu tư có thể tự thực hiện thanh toán định kỳ như đăng ký hoặc sử dụng các lệnh chờ thanh toán của ngân hàng (auto debit hoặc standing bank instruction) mà thông qua tài khoản ngân hàng đó để thực hiện toàn bộ hoạt động đầu tư khi điều kiện cho phép.
- 18.5 Chương trình Đầu tư Định kỳ SIP sẽ được kích hoạt theo quyết định của Công ty Quản lý Quỹ sau Đợt Phát hành Lần đầu ra công chúng và sẽ được quy định cụ thể tại Bản Cáo bạch tại từng thời kỳ.
- 18.6 Tên gọi của Chương trình Đầu tư Định kỳ cũng như chính sách của Chương trình Đầu tư Định kỳ có thể được thay đổi theo nội dung quy định tại Bản Cáo bạch công bố tại từng thời điểm mà không cần thay đổi Điều lệ này.

ĐIỀU 19. CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỞ HỮU CHỨNG CHỈ QUỸ PHI THƯỜNG MẠI

- 19.1 Việc chuyển nhượng quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ trong trường hợp biếu, tặng, cho hoặc thừa kế phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
- 19.2 Đối với trường hợp thừa kế, Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
- 19.3 Quy trình cụ thể về quy trình chuyển nhượng quyền sở hữu được quy định tại Bản Cáo bạch.

CHƯƠNG IV

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

ĐIỀU 20. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

- 20.1 Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong danh sách đăng ký Nhà đầu tư vào ngày chốt quyền tham dự Đại hội Nhà đầu tư đều có quyền tham dự.
- 20.2 Đại hội Nhà đầu tư hàng năm được tổ chức trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Việc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Họp Đại hội Nhà đầu tư dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện dưới hình thức gửi thư bằng văn bản hoặc thư điện tử.
- 20.3 Đại hội Nhà đầu tư không được tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản nếu thông qua các vấn đề như sau: (i) quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; (ii) tăng mức phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; (iii) thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và việc sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ; (iv) các trường hợp khác theo quy định pháp luật phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư.
- 20.4 Đại hội Nhà đầu tư lần đầu tiên có thể do Công ty Quản lý Quỹ triệu tập và tổ chức trước Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ lần đầu tiên. Chi phí của Đại hội Nhà đầu tư hàng năm và Đại hội Nhà đầu tư lần đầu tiên do Quỹ thanh toán.
- 20.5 Đại hội Nhà đầu tư bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:
- a) Công ty Quản lý Quỹ, hoặc Ngân hàng Giám sát, hoặc Ban Đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ; hoặc
 - b) Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 10% tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành trong vòng ít nhất sáu (06) tháng liên tục tính tới thời điểm triệu tập Đại hội.
- 20.6 Việc tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường theo quy định tại Điều 20.5 này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường.

ĐIỀU 21. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

- 21.1 Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ, Hợp đồng Giám sát, phương án phân phối lợi nhuận;
- 21.2 Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; tăng mức phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát, thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;

- 21.3 Sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ;
- 21.4 Tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, tách Quỹ;
- 21.5 Giải thể quỹ;
- 21.6 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ;
- 21.7 Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ;
- 21.8 Thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
- 21.9 Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Điều 85 Luật Chứng khoán, quy định pháp luật về doanh nghiệp và tại Điều lệ Quỹ này.

ĐIỀU 22. ĐIỀU KIỆN, THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

- 22.1 Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo công khai về thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội Nhà đầu tư cho các Nhà đầu tư và báo cáo UBCKNN tối thiểu ít nhất mười lăm (15) ngày trước khi tiến hành Đại hội.
- 22.2 Nhà đầu tư có thể trực tiếp tham dự Đại hội Nhà đầu tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc các hình thức khác, cụ thể như sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác hoặc thành viên Ban Đại diện Quỹ tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; tham gia họp trực tuyến thông qua điện thoại, Internet hoặc các phương tiện truyền tin nghe nhìn khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp qua đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc các hình thức điện tử khác.
- 22.3 Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành.
- 22.4 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 22.3 của Điều lệ này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà đầu tư tham dự.
- 22.5 Thể thức, hình thức họp Đại hội Nhà đầu tư do Ban Đại diện Quỹ quyết định và phù hợp với các quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.

ĐIỀU 23. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

- 23.1 Mỗi Chứng chỉ Quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại

hội Nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết, trừ trường hợp các đơn vị này đồng thời là Nhà đầu tư hợp lệ của Quỹ.

23.2 Đại hội Nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các hình thức biểu quyết điện tử khác do Điều lệ Quỹ quy định tại từng thời điểm.

23.3 Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản như đề cập tại Điều 20.2 của Điều lệ này được quy định như sau:

- a) Công ty Quản lý Quỹ có quyền lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội Nhà đầu tư bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Nhà đầu tư.
- b) Công ty Quản lý Quỹ phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng thư điện tử hoặc phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc đã đăng ký của từng Nhà đầu tư.
- c) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty Quản lý Quỹ;
 - (ii) Mục đích lấy ý kiến;
 - (iii) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy Chứng minh Nhân dân/Thẻ căn cước Công dân, Hộ chiếu của Nhà đầu tư là cá nhân; tên, nơi thành lập, số quyết định thành lập của Nhà đầu tư là tổ chức và tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch của Người đại diện theo ủy quyền của Nhà đầu tư là tổ chức, số lượng Chứng chỉ Quỹ và số phiếu biểu quyết của Nhà đầu tư;
 - (iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định và phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và bỏ phiếu trắng;
 - (v) Thời hạn phải gửi về Công ty Quản lý Quỹ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - (vi) Họ và tên, chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ.
- d) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Nhà đầu tư là cá nhân, của Người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền hợp pháp của Nhà đầu tư là tổ chức.
- e) Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty Quản lý Quỹ phải đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty Quản lý Quỹ sau thời hạn quy định hoặc không được niêm phong đều không hợp lệ.
- f) Công ty Quản lý Quỹ phải thành lập ban kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự kiểm soát của Ngân hàng Giám sát và Ban Đại diện Quỹ. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty Quản lý Quỹ;
 - (ii) Ngày, giờ tiến hành kiểm phiếu, địa điểm kiểm phiếu;

- (iii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - (iv) Số lượng Nhà đầu tư với tổng số phiếu biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ kèm theo phụ lục danh sách Nhà đầu tư tham gia biểu quyết;
 - (v) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành đối với từng vấn đề;
 - (vi) Các quyết định đã được thông qua;
 - (vii) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ và Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ.
- g) Các thành viên Ban Đại diện Quỹ và ban kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ.
- 23.4 Trừ trường hợp quy định tại Điều 23.5 của Điều lệ này, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Chứng chỉ Quỹ của các Nhà đầu tư dự họp tán thành.
- 23.5 Đối với các nội dung được quy định tại Điều 21.2, 21.3 của Điều lệ này, Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số Chứng chỉ Quỹ của các Nhà đầu tư dự họp tán thành.
- 23.6 Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định được thông qua nếu được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Đơn vị Quỹ của các Nhà đầu tư biểu quyết tán thành.
- 23.7 Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.
- 23.8 Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên phương tiện công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ và của UBCKNN trong vòng bảy (07) ngày, kể từ ngày kết thúc việc kiểm phiếu.
- 23.9 Trong vòng bảy (07) ngày sau khi kết thúc Đại hội Nhà đầu tư hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm lập Biên bản và Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư và gửi cho Ngân hàng Giám sát, UBCKNN và công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

ĐIỀU 24. PHẢN ĐỐI QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

- 24.1 Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư về một số các nội dung quy định tại Điều 21.2, 21.3 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ mở khác của Công ty Quản lý Quỹ. Yêu cầu mua lại Chứng chỉ Quỹ phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa

chi của Nhà đầu tư, số lượng Chứng chỉ Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý. Yêu cầu phải được Nhà đầu tư gửi tới trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

- 24.2 Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Điều 24.1 của Điều lệ này đối với các yêu cầu của Nhà đầu tư được gửi tới Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp này, Nhà đầu tư không phải thanh toán Giá Dịch vụ Mua lại, Giá Dịch vụ Chuyển đổi quỹ.

CHƯƠNG V

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

ĐIỀU 25. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

- 25.1 Ban Đại diện Quỹ có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên Ban Đại diện Quỹ là thành viên độc lập. Ban Đại diện Quỹ đại diện cho Nhà đầu tư, được bầu tại các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư hoặc được Nhà đầu tư bầu theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 25.2 Nhiệm kỳ của Ban Đại diện Quỹ là ba (03) năm. Các thành viên Ban Đại diện Quỹ được tái bổ nhiệm mà không giới hạn số lần bổ nhiệm.
- 25.3 Trong Ban Đại diện Quỹ phải có:
- a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản; và
 - c) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.
- 25.4 Trường hợp cơ cấu Ban Đại diện Quỹ hoặc có thành viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 25.1 và 25.3 của Điều lệ này, hoặc thành viên quyết định từ nhiệm hoặc bị buộc phải từ nhiệm, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban Đại diện Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định tại Điều 25.3 của Điều lệ này để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quỹ cho tới khi Đại hội Nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

ĐIỀU 26. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

- 26.1 Thành viên Ban Đại diện Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ đề cử và phải đáp ứng các điều kiện như quy định tại Điều 25.3 của Điều lệ này.
- 26.2 Ban Đại diện Quỹ được bầu và bãi nhiệm bằng quyết định của Đại hội Nhà đầu tư. Mỗi ứng viên phải đưa ra bằng chứng là cá nhân đó đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều lệ Quỹ.
- 26.3 Thành viên độc lập là thành viên không phải là người có liên quan với Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

ĐIỀU 27. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

- 27.1 Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư, thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư.
- 27.2 Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng; phê duyệt danh sách các ngân hàng nhận tiền gửi của Quỹ, công cụ

thị trường tiền tệ và các tài sản khác mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại Điều 8.3 (a), (b), (e) của Điều lệ Quỹ; chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch được thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán), các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch.

- 27.3 Phê duyệt chính sách định giá và các thay đổi trong chính sách định giá của Quỹ.
- 27.4 Quyết định mức lợi nhuận phân phối; thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
- 27.5 Nếu được Đại hội Nhà đầu tư gần nhất ủy quyền, Ban Đại diện Quỹ được quyết định các vấn đề quy định từ Điều 21.2 đến Điều 21.9 của Điều lệ Quỹ.
- 27.6 Có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
- 27.7 Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban Đại diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và quyết định của Đại hội Nhà đầu tư. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại diện Quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.
- 27.8 Tham dự các phiên họp Ban Đại diện Quỹ và thảo luận (trực tiếp hay qua văn bản hoặc thư điện tử) để quyết định về các nội dung trong phiên họp.
- 27.9 Tham gia miễn nhiệm, bãi miễn, bầu các chức danh trong Ban Đại diện Quỹ thuộc thẩm quyền Ban Đại diện Quỹ theo Điều 25.4 của Điều lệ Quỹ.
- 27.10 Ban Đại diện Quỹ có nghĩa vụ bảo mật các thông tin không được phép phổ biến cũng như các thông tin của Nhà đầu tư cho bất kỳ ai.
- 27.11 Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ban Đại diện Quỹ quyết định các vấn đề quy định tại Điều 21.2 đến Điều 21.5 của Điều lệ Quỹ này, Ban Đại diện Quỹ, thông qua Công ty Quản lý Quỹ, phải gửi UBCKNN, Ngân hàng Giám sát biên bản họp và nghị quyết của Ban Đại diện Quỹ, đồng thời cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
- 27.12 Thành viên Ban Đại diện Quỹ được hưởng mức thù lao hàng quý. Mức thù lao do Công ty Quản lý Quỹ đề trình và Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

ĐIỀU 28. CHỦ TỊCH BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ trong số thành viên Ban Đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại diện Quỹ;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại diện Quỹ;
- c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại diện Quỹ.

ĐIỀU 29. THỦ TỤC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

- 29.1 Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ.
- 29.2 Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư thường niên gần nhất.

ĐIỀU 30. ĐÌNH CHỈ VÀ BÃI MIỄN THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

- 30.1 Thành viên Ban Đại diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên trong các trường hợp sau:
 - a) Bị khởi tố hoặc truy tố;
 - b) Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - c) Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban Đại diện Quỹ do quy định của pháp luật hoặc của UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền;
 - d) Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ.
- 30.2 Thành viên Ban Đại diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn trong các trường hợp sau:
 - a) Bị cách chức thành viên Ban Đại diện Quỹ khi có quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
 - b) Tiết lộ các thông tin bảo mật của Quỹ;
 - c) Không tham gia vào các hoạt động của Ban Đại diện Quỹ trong sáu (06) tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Quỹ;
 - e) Không còn đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 26 của Điều lệ Quỹ này.
- 30.3 Thủ tục đình chỉ hoặc bãi miễn thành viên Ban Đại diện Quỹ
 - a) Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ hoặc thành viên Ban Đại diện Quỹ do Ban Đại diện Quỹ chỉ định (trong trường hợp Chủ tịch là người vi phạm) triệu tập cuộc họp thành viên Ban Đại diện Quỹ về những vi phạm của thành viên Ban Đại diện Quỹ có liên quan ngay sau khi sự kiện vi phạm xảy ra để xem xét việc vi phạm của thành viên Ban Đại diện Quỹ và lập biên bản vi phạm có chữ ký của người vi phạm và đình chỉ tư cách thành viên Ban Đại diện Quỹ.
 - b) Tư cách thành viên Ban Đại diện Quỹ sẽ bị đình chỉ cho đến khi việc miễn nhiệm thành viên Ban Đại diện Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua tại kỳ họp Đại hội Nhà đầu tư gần nhất.

ĐIỀU 31. CUỘC HỌP BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

- 31.1 Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban Đại diện Quỹ. Ban Đại diện Quỹ họp ít nhất mỗi quý một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
- 31.2 Cuộc Họp Ban Đại diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ có thể họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, Internet và các phương tiện nghe nhìn khác hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 31.3 Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, Internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bằng thư điện tử. Mỗi thành viên Ban Đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết bằng văn bản. Thành viên Ban Đại diện Quỹ không được ủy quyền cho người khác ngoài các thành viên Ban Đại diện Quỹ thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình tại các cuộc họp Ban Đại diện Quỹ.
- 31.4 Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua nếu được từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên số thành viên dự họp và từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên số thành viên độc lập thông qua.
- 31.5 Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban Đại diện Quỹ.
- 31.6 Tất cả các chi phí tổ chức họp, chi phí công tác (nếu có) và thù lao của Ban Đại diện Quỹ sẽ do Quỹ thanh toán. Đối với các chi phí tổ chức họp và chi phí công tác, thành viên Ban Đại diện Quỹ phải xuất trình chứng từ hợp lệ chứng minh các chi phí này cho Quỹ.

CHƯƠNG VI

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

ĐIỀU 32. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Được UBCKNN cấp Giấy phép hoạt động Quản lý Quỹ;
- b) Không là người có liên quan của Ngân hàng Giám sát;
- c) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ quản lý quỹ; và
- d) Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ Quỹ.

ĐIỀU 33. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

33.1 Nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ

- a) Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty Quản lý Quỹ. Thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ. Tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ và Nhà đầu tư.
- b) Công ty Quản lý Quỹ là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện giao dịch với các bên liên quan đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng.
- c) Khi quản lý tài sản của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải:
 - i. Ký hợp đồng lưu ký, giám sát với Ngân hàng Giám sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng Giám sát;
 - ii. Trường hợp đầu tư tiền gửi cho Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ chỉ được gửi tại các ngân hàng trong danh sách được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt; cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi của Quỹ cho Ngân hàng Giám sát để tổ chức này định kỳ đối soát với các ngân hàng nhận tiền gửi.
 - iii. Trường hợp đầu tư, góp vốn; giao dịch các tài sản, phần vốn góp, cổ phiếu chưa niêm yết cho Quỹ; Công ty Quản lý Quỹ phải lưu trữ bản gốc các hợp đồng, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có), sổ cổ đông hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng Giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;
 - iv. Tách biệt tài sản của Quỹ và tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của khách hàng ủy thác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quỹ;

- tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;
- v. Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quỹ trên hệ thống tài khoản của Quỹ quản lý tại Công ty Quản lý Quỹ, hệ thống lưu ký tài sản của Quỹ tại ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát với các tổ chức phát hành, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của Quỹ;
 - vi. Thực hiện việc đầu tư tài sản Quỹ theo các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - vii. Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý Quỹ. Những người điều hành quỹ nêu trên phải có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành Quỹ phải được công khai tại Bản Cáo bạch.
- d) Công ty Quản lý Quỹ phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản thân Công ty Quản lý Quỹ. Quy trình này phải được cung cấp cho Ngân hàng Giám sát và được áp dụng thống nhất.
 - e) Trong hoạt động quản trị Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm bảo đảm:
 - i. Thực hiện việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ;
 - ii. Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ đăng ký Nhà đầu tư.
 - f) Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị Quỹ. Việc ủy quyền hoạt động này, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động Công ty Quản lý Quỹ và các quy định tại Điều lệ Quỹ.
 - g) Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của Quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của Quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân hàng Giám sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Giám sát để Ngân hàng Giám sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của Quỹ với Ngân hàng Giám sát.
 - h) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ngân hàng Giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ phải hủy bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm

khôi phục vị thế cho Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán cho Quỹ.

- i) Công ty Quản lý Quỹ phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của pháp luật liên quan và Điều lệ Quỹ.
- j) Công ty Quản lý Quỹ phải xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, loại hình Quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của Quỹ. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp.
- k) Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của công ty hoặc do Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ. Việc bồi thường cho Quỹ, Nhà đầu tư vào Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý Quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan.
- l) Công ty Quản lý Quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ (nếu xét là cần thiết), hoặc trích lập Quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại Điều 33.1 (k) của Điều lệ này.
- m) Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các Đại lý Phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo các quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về môi giới, giao dịch chứng khoán.
- n) Trường hợp Quỹ là Nhà đầu tư nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ bảo đảm việc đầu tư tài sản của Quỹ tuân thủ đúng các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Việt Nam tại thời điểm đầu tư.
- o) Việc sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật liên quan. Việc đầu tư này chỉ được thực hiện nếu Điều lệ Quỹ có điều khoản cho phép thực hiện. Trước khi thực hiện, Công ty Quản lý Quỹ phải được Đại hội Nhà đầu tư và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.
- p) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ bảo đảm:
 - i. Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua một công ty chứng khoán không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của Quỹ; và

- ii. Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua công ty chứng khoán là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, không được vượt quá hai mươi phần trăm (20%) tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của Quỹ.
- q) Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.
- r) Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm:
 - i. Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của Công ty Quản lý Quỹ;
 - ii. Tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác, bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ.
- s) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty Quản lý Quỹ.

33.2 Quyền của Công ty Quản lý Quỹ

- a) Được hưởng các khoản Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ và các khoản thanh toán hợp lệ khác theo quy định của Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch và pháp luật hiện hành;
- b) Có quyền lựa chọn Ngân hàng Giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 36 Điều lệ Quỹ;
- c) Được ủy quyền cho Ngân hàng Giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền và bảo đảm quan hệ ủy quyền cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà đầu tư vào Quỹ;
- d) Có quyền từ chối phát hành Chứng chỉ Quỹ cho những tổ chức hoặc cá nhân không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ hoặc cho Nhà đầu tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- e) Có quyền từ chối phát hành Chứng chỉ Quỹ cho những tổ chức hoặc cá nhân không thỏa mãn các điều kiện về Nhận Biết Nhà đầu tư do Công ty Quản lý Quỹ đặt ra và theo quy định của pháp luật;
- f) Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;

- g) Được toàn quyền quyết định lựa chọn hoặc hủy lựa chọn đối với Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh cho Quỹ cũng như ký kết hợp đồng phân phối Chứng chỉ Quỹ với Đại lý Phân phối Chứng chỉ Quỹ và quyết định các mức phí chi trả cho Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh cho dịch vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ;
- h) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật;
- i) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban Đại diện Quỹ;
- j) Được quyết định các khoản đầu tư của Quỹ trong phạm vi cho phép phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và các quy định khác của pháp luật;
- k) Phê duyệt nội dung sửa đổi, bổ sung trong Bản Cáo bạch (ngoại trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà đầu tư và/hoặc Ban Đại diện Quỹ);
- l) Yêu cầu giải thể Quỹ như quy định tại Điều 63 của Điều lệ Quỹ.

ĐIỀU 34. CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI QUỸ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

34.1 Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- a) Theo đề nghị của Ban Đại diện Quỹ sau khi đã được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
- b) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
- c) Tự nguyện chấm dứt hoạt động; hoặc
- d) Hợp nhất, sáp nhập với một Công ty Quản lý Quỹ khác.

34.2 Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ.

34.3 Quy định về phí bồi thường khi thay đổi Công ty Quản lý Quỹ

Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công ty Quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 34.1(a) này và sự thay đổi này không phát sinh từ việc Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các qui định pháp luật, Quỹ sẽ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ một khoản phí (ngoài các khoản phí đã được quy định tại Điều lệ Quỹ) theo biểu phí như sau:

Thời điểm thay thế Công ty Quản lý Quỹ	Mức phí tính trên Giá trị Tài sản Ròng bình quân sáu (06) tháng liền kề trước thời điểm thay thế Công ty Quản lý Quỹ
Trong vòng ba (03) năm kể từ ngày thành lập Quỹ	2,0%
Sau ba (03) năm kể từ ngày thành lập Quỹ	1,5%

Chi phí này nhằm để bù đắp những chi phí thành lập Quỹ và các chi phí phát sinh cho Công ty Quản lý Quỹ do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng khi Quỹ được chuyển cho Công ty Quản lý Quỹ khác quản lý.

ĐIỀU 35. HẠN CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

- 35.1 Công ty Quản lý Quỹ không được là người có liên quan của Ngân hàng Giám sát, ngân hàng lưu ký của Quỹ, mà Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý. Thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ, ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
- 35.2 Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được giao dịch Chứng chỉ Quỹ thông qua Đại lý Phân phối như một Nhà đầu tư thông thường. Trong trường hợp này lệnh của những người này sẽ được thực hiện sau lệnh của Nhà đầu tư.
- 35.3 Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải bao gồm thông tin về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số Tài khoản Giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở Tài khoản Giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tập trung tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.
- 35.4 Thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại phí và mức phí đã được quy định rõ tại Điều lệ Quỹ.
- 35.5 Công ty Quản lý Quỹ không được thực hiện những nội dung sau:
- Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;
 - Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào các khách hàng ủy thác khác do mình quản lý;
 - Không được sử dụng tài sản ủy thác để đầu tư vào Quỹ do mình quản lý. Quy định này không áp dụng trong trường hợp khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức 100% vốn nước ngoài và đã chấp thuận cho phép thực hiện giao dịch trên.;
 - Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty Quản lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) Vốn Điều lệ;
 - Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty Quản lý Quỹ,

người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật; và

- f) Không được cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định; không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính công ty; trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của Quỹ do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của chính Quỹ để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác và ngược lại; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.
 - g) Trừ trường hợp là kết quả hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành, Công ty Quản lý Quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các Quỹ để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) trên hai mươi lăm phần trăm (25%) tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
 - (i) Được sự chấp thuận bằng văn bản của Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;
 - (ii) Công ty Quản lý Quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.
 - h) Công ty Quản lý Quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.
- 35.6 Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các hạn chế đầu tư trong hoạt động quản lý quỹ như quy định tại Điều 9 của Điều lệ Quỹ.

CHƯƠNG VII

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

ĐIỀU 36. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- 36.1 Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 98.1 của Luật Chứng khoán.
- 36.2 Ngân hàng Giám sát là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn và đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ Quỹ.
- 36.3 Ngân hàng Giám sát phải có tối thiểu hai (02) nhân viên nghiệp vụ có các chứng chỉ theo quy định của pháp luật về giám sát cho hoạt động của quỹ mở.
- 36.4 Thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành và nhân viên nghiệp vụ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ. Ngân hàng Giám sát chỉ được là đối tác mua, bán trong giao dịch ngoại hối, hoặc các giao dịch chứng khoán được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán.

ĐIỀU 37. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- 37.1 Nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát bao gồm:
- a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà đầu tư Quỹ;
 - b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
 - c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ Quỹ;
 - d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng Giám sát và Điều lệ Quỹ;
 - e) Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát và tài sản của chính Ngân hàng Giám sát;
 - f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
 - g) Giám sát tính toán Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ hàng tuần phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ là chính xác;
 - h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ. Ngân hàng Giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng Giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ Quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
 - i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ;

- j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ Quỹ;
- k) Thanh toán tiền cho Nhà đầu tư của Quỹ khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư, hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ Quỹ;
- l) Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số Chứng chỉ Quỹ sở hữu bởi từng người nắm giữ chứng chỉ, tên, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ và các yếu tố nhận dạng khác của người đó và ngay lập tức cập nhật tất cả những thay đổi (nếu có);
- m) Có trách nhiệm xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ lập hoặc do tổ chức được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện, đồng thời thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát;
- n) Không được nhận bất kỳ một lợi ích nào khác (ngoài các khoản phí theo quy định tại Hợp đồng Giám sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba; và
- o) Phải tuân thủ các quy định khác tại Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát.

37.2 Quyền của Ngân hàng Giám sát bao gồm:

- a) Hưởng các khoản thanh toán Giá dịch vụ như quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành; và
- b) Tham gia các cuộc họp Ban Đại diện Quỹ, Đại hội Nhà đầu tư.

ĐIỀU 38. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

38.1 Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng Giám sát phải:

- a) Phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện công tác xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Chứng chỉ Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ;
- b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân hàng Giám sát phải báo cáo ngay cho UBCKNN và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;

- c) Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;
 - d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của Quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
 - e) Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 98 Luật Chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
- 38.2 Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng Giám sát đối với Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.
- 38.3 Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ.
- 38.4 Ngân hàng Giám sát có quyền kiểm tra Công ty Quản lý Quỹ, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, để Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật.
- 38.5 Ngân hàng Giám sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi Công ty Kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại Điều 38.4 này. Ngân hàng Giám sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân hàng Giám sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi thông tin của Công ty Quản lý Quỹ, Quỹ và Nhà đầu tư. Biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan và các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho Ban Đại diện Quỹ, UBCKNN trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản.
- 38.6 Công ty Quản lý Quỹ có thể tùy từng thời điểm đặt tiền của Quỹ tại bất kỳ ngân hàng hoặc tổ chức nào khác nếu cho là thích hợp, và Ngân hàng Giám sát sẽ, khi nhận được và theo chỉ thị phù hợp của Công ty Quản lý Quỹ, đặt khoản tiền được lưu giữ bởi hoặc theo lệnh của Công ty Quản lý Quỹ tới ngân hàng hoặc tổ chức đó. Ngay cả với những điều kiện bao gồm ở đây Ngân hàng Giám sát sẽ không chịu trách nhiệm lưu giữ an toàn số tiền được đặt tại ngân hàng hoặc các tổ chức khác đó và sẽ không có nghĩa vụ đối với bất kỳ sự thất thoát xảy ra do giải thể, phá sản hoặc mất khả năng thanh toán của ngân hàng hoặc tổ chức đó.
- 38.7 Đối với các loại chứng khoán mà Quỹ mua đầu tư hoặc thuộc sở hữu của Quỹ nhưng chưa được lưu ký tại Ngân hàng Giám sát thì Ngân hàng Giám sát có quyền xác minh hàng tháng việc đăng ký các chứng khoán này dưới tên của Quỹ. Nếu Quỹ gửi tiền tại các ngân hàng hay tổ chức khác, Ngân hàng Giám sát xác minh hàng tháng những khoản tiền đó. Để thực hiện điều này, Công ty Quản lý Quỹ yêu cầu tổ chức phát hành, các ngân hàng và tổ chức mà Quỹ gửi tiền, hàng tháng gửi xác nhận trực tiếp tới Ngân hàng Giám sát. Ngân

hàng Giám sát có quyền tin tưởng vào xác nhận của các tổ chức phát hành, ngân hàng và tổ chức nhận tiền gửi và không chịu trách nhiệm cho những hành vi lừa dối, vi phạm pháp luật hay thiếu sót của các tổ chức phát hành, ngân hàng hay tổ chức nhận tiền gửi đó.

- 38.8 Các dịch vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký liên quan đến các loại chứng khoán chưa niêm yết sẽ chỉ giới hạn trong dịch vụ nhận, chuyển giao trong nước và bảo quản giấy chứng nhận, tất cả những dịch vụ đó sẽ được cung cấp theo thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ. Để tránh nhầm lẫn, ngân hàng giám sát và lưu ký sẽ không chịu trách nhiệm kiểm tra tính hiệu lực và tính xác thực của bất cứ công cụ, chứng chỉ hoặc tài liệu nào về các chứng khoán chưa niêm yết này mà có thể chịu ảnh hưởng của những hành vi lừa dối, vi phạm pháp luật hay thiếu sót của các tổ chức có liên quan và sẽ không chịu trách nhiệm với việc không có hiệu lực hoặc thiếu tính xác thực đó.
- 38.9 Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà đầu tư, Ngân hàng Giám sát phải phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng Giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
- 38.10 Ngân hàng Giám sát sẽ không chịu trách nhiệm tiến hành việc định giá tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ mà chỉ có trách nhiệm kiểm tra việc định giá tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ tiến hành. Hơn nữa, nếu những trường hợp nêu dưới đây đối với việc định giá hoặc báo giá được ủy quyền hợp lệ theo các văn bản cấu thành theo luật của Quỹ (bao gồm Bản Cáo bạch Quỹ, Điều lệ Quỹ và bất kỳ sửa đổi nào, nghị quyết được thông qua hợp lệ của Ban Đại diện Quỹ hoặc Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ) ngay cả khi có những chấp thuận hợp lệ này, Ngân hàng Giám sát sẽ không chịu trách nhiệm khi kiểm tra việc định giá của bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ tiến hành trong những trường hợp này.
- (i) Ngân hàng Giám sát không thể kiểm tra việc định giá một cách độc lập, hoặc xác nhận giá trị của bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ sử dụng ít nhất hai nguồn cung cấp giá độc lập; hoặc
 - (ii) Ngân hàng Giám sát được chỉ thị bởi Quỹ (Ban Đại diện Quỹ hoặc Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ) hoặc Công ty Quản lý Quỹ sử dụng dịch vụ cung cấp giá tự động, nhà môi giới, nhà tạo lập thị trường, nhà trung gian hoặc các bên thứ ba khác riêng biệt để xác định giá trị của bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ; hoặc
 - (iii) Ngân hàng Giám sát chỉ hoàn toàn dựa trên bất kỳ định giá hoặc thông tin liên quan đến định giá của các tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của các Quỹ mà được cung cấp tới Ngân hàng Giám sát bởi (a) Ban Đại diện Quỹ hoặc Công ty Quản lý Quỹ và/hoặc (b) bất kỳ tổ chức định giá, đại lý định giá thứ ba, tổ chức trung gian hoặc các bên thứ ba khác mà theo từng trường hợp do Ban Đại diện Quỹ hoặc Công ty Quản lý Quỹ chỉ

định hoặc ủy quyền để cung cấp định giá hoặc thông tin liên quan đến định giá các tài sản và nghĩa vụ nợ của Quỹ tới Ngân hàng Giám sát.

(i), (ii), (iii) gọi chung là “Những Định Giá Bị Ảnh Hưởng”

38.11 Ngân hàng Giám sát sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào gây ra bởi bất kỳ người nào do hậu quả của bất kỳ sự không chính xác, sai sót hoặc trì hoãn nào trong Những Định Giá Bị Ảnh Hưởng hoặc bất kỳ sai sót hệ quả nào trong Giá Trị Tài sản Ròng của Quỹ.

38.12 Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ đồng ý sẽ bồi hoàn cho Ngân hàng Giám sát đối với mọi khoản nợ, khiếu nại, chi phí, tổn thất hoặc các thiệt hại khác (ngoại trừ xuất phát từ sự gian lận, sơ suất hay bỏ qua có chủ định đối với trách nhiệm của Ngân hàng Giám sát) mà Ngân hàng Giám sát có thể gánh chịu tại bất kỳ thời điểm nào do kết quả trực tiếp hoặc gián tiếp của bất kỳ sự không chính xác, sai sót hoặc trì hoãn trong Những Định Giá Bị Ảnh Hưởng.

ĐIỀU 39. CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI QUỸ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

39.1 Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

- a) Ngân hàng Giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán;
- b) Chấm dứt Hợp đồng Giám sát theo quy định tại Hợp đồng Giám sát;
- c) Quỹ hết thời gian hoạt động, bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập; hoặc
- d) Theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

39.2 Trong các trường hợp quy định tại Điều 39.1 này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát được chuyển giao cho Ngân hàng giám sát khác phù hợp với thủ tục thay đổi Ngân hàng Giám sát theo quy định pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Ngân hàng Giám sát chỉ chấm dứt hợp đồng sau khi đã hoàn tất việc chuyển giao toàn bộ quyền, nghĩa vụ cho ngân hàng thay thế.

CHƯƠNG VIII

CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

ĐIỀU 40. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC ỦY QUYỀN

40.1 Công ty Quản lý Quỹ được phép ủy quyền cho các nhà cung cấp dịch vụ bên ngoài thực hiện các dịch vụ cho Quỹ.

40.2 Các hoạt động được ủy quyền bao gồm:

- a) Hoạt động Đại lý Chuyên nhượng:
 - i. Lập và quản lý sổ chính, danh sách Nhà đầu tư, thực hiện mở Tài khoản Giao dịch Chứng chỉ Quỹ mới cho Nhà đầu tư, theo dõi, cập nhật và quản lý Tài khoản Giao dịch của Nhà đầu tư cũng như các Tài khoản Ký danh;
 - ii. Thực hiện việc xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ;
 - iii. Ghi nhận các lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ (Lệnh mua, bán, chuyển đổi), chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ cũng như quản lý dòng tiền liên quan đến các giao dịch của Nhà đầu tư;
 - iv. Cung cấp sao kê tài khoản Nhà đầu tư cũng như sao kê giao dịch Chứng chỉ Quỹ cũng như các tài liệu khác có liên quan;
 - v. Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư;
 - vi. Duy trì kênh liên lạc với Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
 - vii. Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng dịch vụ ký kết với Công ty Quản lý Quỹ.
- b) Hoạt động Quản trị Quỹ đầu tư
 - i. Hoạt động kế toán Quỹ bao gồm ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ, ghi nhận kế toán các biến động dòng tiền của Quỹ cho mục đích xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ;
 - ii. Lập báo cáo tài chính của Quỹ, hỗ trợ và phối hợp với tổ chức kiểm toán khi tổ chức này thực hiện hoạt động kiểm toán cho Quỹ;
 - iii. Xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
 - iv. Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng dịch vụ ký kết với Công ty Quản lý Quỹ.

ĐIỀU 41. TIÊU CHÍ LỰA CHỌN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

41.1 Tổ chức cung cấp dịch vụ cần đạt các điều kiện sau:

- a) Là một trong những tổ chức lớn có kinh nghiệm và uy tín đồng thời phải có năng lực tài chính mạnh và ổn định;
 - b) Có đội ngũ nhân lực trong nước có chuyên môn giỏi và kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp;
 - c) Có hệ thống công nghệ thông tin và hệ thống dự phòng đầy đủ và đáng tin cậy đảm bảo cung cấp dịch vụ ổn định;
 - d) Am hiểu về pháp luật có liên quan tại Việt Nam và quốc tế;
 - e) Cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp và có thể đáp ứng yêu cầu thay đổi và mở rộng Quỹ;
 - f) Phải sẵn sàng cho hệ thống hoạt động bao gồm hệ thống quy trình chuyên nghiệp, hệ thống báo cáo và xét duyệt báo cáo; và
 - g) Đáp ứng các điều kiện có liên quan theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- 41.2 Trong trường hợp một tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền thực hiện nhiều dịch vụ cho Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ cần có quy trình nghiệp vụ chi tiết, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo riêng rẽ của các bộ phận và đảm bảo sự thông suốt giữa các bộ phận cung cấp dịch vụ nhằm tối đa hóa hiệu quả cho Quỹ.

ĐIỀU 42. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

42.1 Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền như sau:

- a) Hoạt động ủy quyền phải tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ; và
- b) Các hoạt động ủy quyền phải được thực hiện trên cơ sở Hợp đồng ủy quyền giữa Công ty Quản lý Quỹ và tổ chức nhận ủy quyền. Tổ chức nhận ủy quyền phải chịu trách nhiệm trên các hoạt động được ủy quyền.

42.2 Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:

- a) Thực hiện các hoạt động được ủy quyền nêu tại điều Điều 40.2 của Điều lệ Quỹ;
- b) Bên nhận ủy quyền phải có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, chuyên nghiệp, được cấp phép hoặc đăng ký cho hoạt động ủy quyền theo quy định của pháp luật có liên quan. Đối với hoạt động ủy quyền cho bên cung cấp dịch vụ ở nước ngoài, bên nhận ủy quyền ở nước ngoài phải đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép cho hoạt động nhận ủy quyền, đồng thời chịu sự giám sát bởi cơ quan quản lý giám sát dịch vụ tài chính ở nước sở tại;
- c) Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo; và
- d) Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty Quản lý Quỹ.

ĐIỀU 43. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐÃ ỦY QUYỀN

- 43.1 Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ.
- 43.2 Trước khi ký kết Hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty Quản lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn.
- 43.3 Định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ.
- 43.4 Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này.
- 43.5 Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền.
- 43.6 Xây dựng, có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền.
- 43.7 Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà đầu tư.
- 43.8 Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền.
- 43.9 Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

ĐIỀU 44. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

- 44.1 Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ sẽ chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
- Hợp đồng ủy quyền hết thời hạn hoặc hết hiệu lực;
 - Tổ chức nhận ủy quyền tạm ngừng, chấm dứt hoạt động, giải thể, tuyên bố phá sản;
 - Tổ chức nhận ủy quyền không còn thỏa mãn các quy định tại Điều 41 của Điều lệ Quỹ này và theo đề nghị bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ;
 - Ngân hàng Giám sát bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Điều 51.2 của Luật Chứng khoán; và

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

44.2 Trong trường hợp quy định tại Điều 44.1 của Điều lệ Quỹ này, quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ sẽ được chuyển giao cho tổ chức cung cấp dịch vụ khác theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ.

CHƯƠNG IX

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH

ĐIỀU 45. ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

- 45.1 Đại lý Phân phối/Đại lý Ký danh do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện luật định để phân phối Chứng chỉ Quỹ.
- 45.2 Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà đầu tư. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công ty Quản lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công ty Quản lý Quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động của Đại lý Phân phối/Đại lý Ký danh là phù hợp với quy định của pháp luật và các điều khoản tại Hợp đồng Phân phối.
- 45.3 Đại lý Phân phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được:
- a) Làm Đại lý Ký danh;
 - b) Đồng thời làm Đại lý Phân phối cho công ty quản lý quỹ khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ mà mình đang làm Đại lý Phân phối.

ĐIỀU 46. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH

- 46.1 Hoạt động của Đại lý Phân phối, bao gồm:
- a) Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
 - b) Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà đầu tư tới tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý Phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư;
 - c) Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại Sở chính, xác nhận quyền sở hữu Đơn vị Quỹ của Nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ;
 - d) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà đầu tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà đầu tư; cung cấp cho Nhà đầu tư Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty Quản lý Quỹ;

- e) Hỗ trợ Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà đầu tư;
- f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà đầu tư và các giao dịch của Nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Chuyển nhượng và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.

46.2 Hoạt động của Đại lý Ký danh bao gồm:

- a) Thực hiện chức năng Đại lý Phân phối quy định tại Điều 46.1 của Điều lệ Quỹ này đối với Nhà đầu tư đăng ký giao dịch trên tài khoản của Nhà đầu tư;
- b) Lập và quản lý Sổ phụ đối với Nhà đầu tư đăng ký giao dịch trên Tiểu khoản Ký danh; lập và quản lý hệ thống tiểu khoản; cập nhật và cung cấp đầy đủ thông tin về Nhà đầu tư, bao gồm cả thông tin về sở hữu, thông tin về giao dịch cho Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Chuyển nhượng;
- c) Thực hiện lệnh giao dịch cho Tài khoản Ký danh trên cơ sở tổng hợp các lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư, bảo đảm Lệnh mua được thực hiện đầy đủ, Lệnh bán được phân bổ một cách công bằng và việc thanh toán được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và Bản Cáo bạch của Quỹ;
- d) Thực hiện mọi chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động của Đại lý Phân phối quy định tại Điều 46.1 của Điều lệ Quỹ này.

46.3 Các quy định riêng cho Đại lý Ký danh:

46.3.1 Điều kiện của Đại lý Ký danh:

- a) Ngân hàng thương mại hoặc các định chế tài chính có uy tín thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- b) Tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, đặc biệt là các quy định liên quan đến AML/CTF và Đạo Luật FATCA; và
- c) Đạt tiêu chuẩn về quản trị rủi ro và an toàn tài chính cũng như các yêu cầu khác do Công ty Quản lý Quỹ đặt ra.

46.3.2 Quy định về hoạt động và trách nhiệm của Đại lý Ký danh đối với Nhà đầu tư, đối với Quỹ. Đại lý Ký danh có trách nhiệm thực hiện chức năng của mình theo đúng với quy định của pháp luật có liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn các quy định sau:

- a) Tài sản trên Tài khoản Ký danh không thuộc sở hữu của Đại lý Ký danh, mà thuộc quyền sở hữu của Nhà đầu tư tại Sổ phụ. Các Nhà đầu tư này được thừa hưởng mọi quyền lợi và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu tương ứng với số Chứng chỉ Quỹ đang nắm giữ có trên Tiểu khoản Ký danh. Nhà đầu tư có quyền yêu cầu Đại lý Ký danh thực hiện việc chuyển quyền sở hữu số Đơn vị Quỹ có trên Tiểu khoản Ký danh sang tài khoản của Nhà đầu tư (nếu có);
- b) Đại lý Ký danh phải quản lý tách biệt tiền, tài sản của từng Nhà đầu tư; quản lý tách biệt tiền và tài sản của Nhà đầu tư với tiền, tài sản của chính mình. Đại lý Ký danh muốn giao

dịch Chứng chỉ Quỹ cho chính mình thì phải mở Tài khoản Giao dịch Chứng chỉ Quỹ độc lập với Tài khoản Ký danh theo quy định của pháp luật;

- c) Đại lý Ký danh không được sử dụng tiền, tài sản của Nhà đầu tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà đầu tư trên Tài khoản Ký danh; không được nhận ủy quyền của Nhà đầu tư thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tiểu khoản của các Nhà đầu tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà đầu tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật và theo lệnh, chỉ thị hợp pháp và bằng văn bản của Nhà đầu tư.

ĐIỀU 47. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ NGHIỆP VỤ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

- 47.1 Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà đầu tư.
- 47.2 Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng chỉ Quỹ sau khi Nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản Cáo bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ Quỹ và Bản Cáo bạch, đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác, cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- 47.3 Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
- 47.4 Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo dễ dụ dỗ hay mời chào Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng chỉ Quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà đầu tư.
- 47.5 Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà đầu tư, thông tin về giao dịch của Nhà đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà Đầu Tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
- 47.6 Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài

chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, ngoài các mức phí đã được công bố tại các Bản Cáo bạch và tại các Hợp đồng Phân phối ký với Công ty Quản lý Quỹ.

47.7 Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh không được phân phối Chứng chỉ Quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc chưa thông báo với UBCKNN. Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ khi phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư.

47.8 Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty Quản lý Quỹ.

CHƯƠNG X

KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

ĐIỀU 48. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN VÀ THAY ĐỔI CÔNG TY KIỂM TOÁN

48.1 Công ty Quản lý Quỹ sẽ xem xét để lựa chọn một trong các Công ty Kiểm toán có uy tín toàn cầu nằm trong danh sách các Công ty Kiểm toán được UBCKNN chấp thuận thực hiện việc kiểm toán cho Quỹ. Phương án lựa chọn Công ty Kiểm toán sẽ được đệ trình cho Ban Đại diện Quỹ xem xét và lựa chọn theo sự ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư.

48.2 Công ty Kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát;
- b) Nằm trong danh sách Công ty Kiểm toán được chấp thuận của UBCKNN được công bố hàng năm;
- c) Có uy tín quốc tế và kinh nghiệm kiểm toán cho các quỹ đầu tư đại chúng tại Việt Nam;
- d) Một trong những công ty kiểm toán thuộc nhóm các công ty kiểm toán hàng đầu (“Big4”).

ĐIỀU 49. NĂM TÀI CHÍNH

49.1 Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

ĐIỀU 50. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam cho Quỹ mở và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền ban hành, được quy định cụ thể trong chính sách kế toán do Công ty Quản lý Quỹ lập.

ĐIỀU 51. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

51.1 Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ.

51.2 Báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét, kiểm toán độc lập bởi Công ty Kiểm toán đã được lựa chọn. Báo cáo kiểm toán của Quỹ phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử (Website) của Công ty Quản lý Quỹ để Nhà đầu tư có thể tham khảo.

ĐIỀU 52. BÁO CÁO KHÁC

Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của UBCKNN về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

CHƯƠNG XI

GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

ĐIỀU 53. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

- 53.1 Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ trên cơ sở giá thị trường hoặc giá hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ.
- 53.2 Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được xác định định kỳ hàng tuần vào Ngày Định giá. Ngày Định giá tuần sẽ là Thứ Ba hàng tuần. Nếu Ngày Định giá tuần rơi vào ngày nghỉ của Thị trường Chứng khoán Việt Nam, hoặc ngày tạm ngừng giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (trường hợp này tùy thuộc vào sự quyết định của Công ty Quản lý Quỹ) thì Ngày Định giá tuần của Quỹ sẽ được chuyển sang Thứ ba (ngày làm việc) của tuần tiếp theo.
- 53.3 Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ điều chỉnh kịp thời trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.
- 53.4 Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ Ngày Định giá, Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối/Đại lý Ký danh và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.
- 53.5 Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ trên cơ sở giá cung cấp bởi các tổ chức cung cấp báo giá. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá trị Tài sản Ròng là phù hợp các quy định của pháp luật và Giá trị Tài sản Ròng được tính chính xác.

ĐIỀU 54. QUY TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

- 54.1 Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định giá. Trường hợp không có giá thị trường tại Ngày Giao dịch gần nhất, hoặc giá thị trường có nhiều biến động theo quy định tại Điều lệ Quỹ hoặc quy định nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản đã được quy định tại Điều lệ Quỹ, hoặc Sổ tay Định giá của Quỹ hoặc sau khi đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản.
- 54.2 Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ bằng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá. Giá

trị Tài sản Ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

54.3 Việc xác định giá thị trường các tài sản của Quỹ thực hiện theo phương pháp quy định như sau:

54.3.1 Giá trị tài sản:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định giá.
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định giá.
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định giá.
4	Đối với các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
5	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo Quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế). - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày Định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> o Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc o Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc o Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. - Phương pháp định giá trái phiếu hợp lý chi tiết sẽ được trình bày cụ thể trong Sổ Tay

		Định Giá và phải được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
6	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. - Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
Cổ phiếu		
7	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày Định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> o Giá trị sổ sách; o Giá mua; o Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày Định giá, là một trong các mức giá như sau: <ul style="list-style-type: none"> o Giá trị sổ sách; o Giá mua; o Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
9	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày Định giá, là một

		<p>trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Giá trị sổ sách; hoặc ○ Giá mua; hoặc ○ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
10	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
11	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Giá được xác định là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> ○ Giá trị sổ sách; hoặc ○ Mệnh giá; hoặc ○ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
12	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Giá được xác định là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> ○ 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định giá; hoặc ○ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
13	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá được xác định là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> ○ Giá trị sổ sách; hoặc ○ Giá mua/ giá trị vốn góp; hoặc ○ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ thông qua.
Chứng khoán phái sinh		
14	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại Ngày Giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá.
15	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		

16	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận
----	-----------------------------------	---

54.3.2 Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh:

- a) Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
- b) Khi tính giá trị cam kết, Công ty Quản lý Quỹ được áp dụng:
 - i. Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - ii. Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - iii. Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại chứng khoán	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển

¹ Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát xác định sau khi đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

		giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn, thống nhất cùng Ngân hàng Giám sát và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận

ĐIỀU 55. ĐÈN BÙ THIẾT HẠI CHO NHÀ ĐẦU TƯ, QUỸ

55.1 Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ mà chịu thiệt hại trong trường hợp Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót được coi là lớn đạt từ một phần trăm (1,00%) Giá trị Tài sản Ròng trở lên hoặc một tỷ lệ khác theo quy định của pháp luật tùy từng thời điểm.

55.2 Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà đầu tư được xác định như sau:

- a) Đối với Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ Quỹ Nhà đầu tư đã bán. Chi phí đền bù cho Nhà đầu tư được hạch toán vào Quỹ;
- b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành; Chi phí đền bù cho Quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ;

55.3 Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà đầu tư được xác định như sau:

- a) Đối với Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ Quỹ Nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai. Chi phí đền bù cho Nhà đầu tư được hạch toán vào Quỹ;
- b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó. Chi phí đền bù cho Quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.

55.4 Quỹ sẽ không thực hiện đền bù cho các Nhà đầu tư có mức đền bù ít hơn một trăm nghìn (100.000) VNĐ/Nhà đầu tư và toàn bộ phần thanh toán cho Nhà đầu tư sẽ được hạch toán vào Quỹ trừ trường hợp Ban Đại diện Quỹ có quyết định khác.

ĐIỀU 56. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ LỰA CHỌN, THAY ĐỔI TỔ CHỨC CUNG CẤP BÁO GIÁ

56.1 Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn các tổ chức cung cấp báo giá

Danh sách của tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Là công ty chứng khoán được UBCKNN cấp phép thành lập và hoạt động;

- b) Có thị phần môi giới chứng khoán cao tại thị trường Việt Nam;
- c) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá chứng khoán;
- d) Không là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát; và
- e) Phải được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

56.2 Thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá:

Công ty Quản lý Quỹ sẽ xem xét việc lựa chọn và trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Các tổ chức cung cấp báo giá sẽ thay đổi, chấm dứt cung cấp dịch vụ cho Quỹ khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Theo quyết định của Ban Đại diện Quỹ.
- b) Các tổ chức cung cấp báo giá bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.
- c) Theo đề nghị của các tổ chức cung cấp báo giá.

CHƯƠNG XII

THU NHẬP VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

ĐIỀU 57. THU NHẬP CỦA QUỸ

Thu nhập của Quỹ bao gồm các khoản sau:

1. Cổ tức
2. Lãi trái phiếu
3. Lãi tiền gửi
4. Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của Quỹ
5. Các khoản thu nhập khác, nếu có, phát sinh từ hoạt động đầu tư tài sản của Quỹ.

ĐIỀU 58. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA QUỸ

58.1 Quỹ sẽ chỉ xem xét việc phân phối lợi nhuận từ các nguồn sau đây và với các điều kiện sau đây:

- a) Lợi nhuận lũy kế của Quỹ cho đến cuối Năm tài chính mà Công ty Quản lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định;
- b) Nguồn chia là từ lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ trong quá trình hoạt động;
- c) Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho Nhà đầu tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối Năm tài chính mà Công ty Quản lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm);
- d) Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của Quỹ;
- e) Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

58.2 Cổ tức Quỹ có thể được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Chỉ những Nhà đầu tư có tên trên danh sách Nhà đầu tư sở hữu Đơn vị Quỹ tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức từ Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

58.3 Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ, bao gồm các nội dung sau:

- a) Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ);
- b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
- c) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Chứng chỉ Quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ);

- d) Giá trị Tài sản Ròng trên một Chứng chỉ Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
- e) Các ảnh hưởng tác động tới Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ.

CHƯƠNG XIII

GIÁ DỊCH VỤ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

ĐIỀU 59. GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, GIÁ DỊCH VỤ MUA LẠI, GIÁ DỊCH VỤ CHUYỂN ĐỔI CHỨNG CHỈ QUỸ

- 59.1 Giá Dịch vụ Phát hành, Giá Dịch vụ Mua lại, Giá Dịch vụ Chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ có thể được quy định với các mức khác nhau, căn cứ vào giá trị khoản đầu tư, thời hạn nắm giữ Chứng chỉ Quỹ. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố tại Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch Tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hoặc dưới các hình thức khác theo quy định pháp luật hiện hành.
- 59.2 Đối với Quỹ DFVN-CAF, Giá Dịch vụ Mua lại sau khi thu từ Nhà đầu tư bán Chứng chỉ Quỹ sẽ được hoàn trả về cho Quỹ.
- 59.3 Công ty Quản lý Quỹ có quyền thay đổi khung Giá dịch vụ nêu trên tùy theo điều kiện thực tế. Tuy nhiên, Giá Dịch vụ Phát hành không được vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch; Giá Dịch vụ Mua lại, Giá Dịch vụ Chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức phí mới sớm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về mức phí mới trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và/hoặc các hình thức khác theo quy định pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 60. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

60.1 Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ

- a) Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý Quỹ DFVN-CAF. Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ được tính trên tỷ lệ phần trăm trên Giá trị Tài sản Ròng (“NAV”) của Quỹ trong một Năm tài chính. Chi phí Dịch vụ Quản lý Quỹ được tính (trích lập) tại các kỳ định giá và thanh toán cho Công ty Quản lý Quỹ hàng tháng.
- b) Giá Dịch vụ quản lý Quỹ DFVN-CAF là 1,5%*NAV một năm.
- c) Trường hợp tăng Giá Dịch vụ quản lý Quỹ trên mức 1,5%*NAV/năm phải được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.
- d) Chi phí Dịch vụ Quản lý Quỹ trả hàng tháng là tổng chi phí được tính (trích lập) cho các Ngày Định giá thực hiện trong tháng. Công thức tính (trích lập) Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ tại các Ngày Định giá như sau:

$$\text{Chi phí Dịch vụ Quản lý quỹ cho kỳ định giá} = \frac{\text{Giá Dịch vụ quản lý quỹ (\%)} \times \text{NAV tại kỳ định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá}}{\text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}}$$

60.2 Giá Dịch vụ Lưu ký, Giám sát

Chi phí lưu ký tài sản Quỹ, chi phí giám sát trả cho Ngân hàng Lưu ký, Ngân hàng Giám sát.

- Giá Dịch vụ Lưu ký là 0,06% NAV/năm, tối thiểu 19.000.000 VNĐ/tháng
- Giá Dịch vụ Giám sát là 0,02% NAV/năm, tối thiểu 7.000.000 VNĐ/tháng
- Chi phí Dịch vụ Lưu ký, Giám sát trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các Ngày Định giá thực hiện trong tháng
- Công thức tính (trích lập) Giá Dịch vụ Lưu ký, Giám sát tại các Ngày Định giá như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí Dịch vụ} \\ \text{Lưu ký/Giám sát} \\ \text{cho kỳ định giá} \end{array} = \frac{\text{Giá Dịch vụ Lưu ký/Giám sát (\%)} \times \text{NAV tại kỳ định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá}}{\text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}}$$

60.3 Giá Dịch vụ Quản trị Quỹ và Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng

- Giá Dịch vụ Quản trị quỹ được trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ theo Hợp đồng ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ ký và Tổ chức cung cấp dịch vụ.
 - Giá Dịch vụ Quản trị Quỹ là 0,035% NAV/năm, tối thiểu 11.000.000 VNĐ/tháng.
- Giá Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng được trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng theo Hợp đồng ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ ký và Tổ chức cung cấp dịch vụ.
 - Giá Dịch vụ duy trì Nhà đầu tư hàng năm là 0,04% NAV/năm, tối thiểu 13.000.000 VNĐ/tháng
 - Giá Dịch vụ Giao dịch (Mua/bán/chuyển đổi) là 0,03% giá trị giao dịch.
- Công thức tính (trích lập) phí Dịch vụ Quản trị Quỹ, Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng tại các Ngày Định giá như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí Dịch vụ} \\ \text{Quản trị Quỹ/Đại lý} \\ \text{Chuyển nhượng} \\ \text{cho kỳ định giá} \end{array} = \frac{\text{Giá Dịch vụ tương ứng (\%)} \times \text{NAV tại kỳ định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá}}{\text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}}$$

60.4 Các chi phí dịch vụ khác theo Hợp đồng ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

60.5 Các chi phí hoạt động khác của Quỹ, bao gồm:

- Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.
- Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác.
- Thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ.
- Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố

thông tin của Quỹ. Đối với dịch vụ gửi thư cho Nhà đầu tư bằng đường bưu điện: 100.000 VNĐ/Nhà đầu tư/mỗi lần gửi thư.

- e) Chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban Đại diện Quỹ.
- f) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ.
- g) Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÁI CƠ CẤU QUỸ

ĐIỀU 61. CÁC ĐIỀU KIỆN HỢP NHẤT, SÁP NHẬP

- 61.1 Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.
- 61.2 Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

ĐIỀU 62. CÁC ĐIỀU KIỆN TÁCH QUỸ

- 62.1 Việc tách Quỹ phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận
- 62.2 Việc tách Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

ĐIỀU 63. CÁC ĐIỀU KIỆN GIẢI THỂ QUỸ

- 63.1 Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
- a) Công ty Quản lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban Đại diện Quỹ không xác lập được Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - b) Ngân hàng Giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt Hợp đồng Giám sát hoặc bị Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt Hợp đồng Giám sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công ty Quản lý Quỹ không xác lập được Ngân hàng Giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - c) Giải thể Quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư; hoặc
 - d) Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ đồng liên tục trong sáu (06) tháng.
- 63.2 Việc thanh lý giải thể Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XV

GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

ĐIỀU 64. KIỂM SOÁT XUNG ĐỘT LỢI ÍCH GIỮA QUỸ VÀ CÁC QUỸ KHÁC, CÁC KHÁCH HÀNG ĐẦU TƯ UỶ THÁC CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ GIỮA QUỸ VÀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

64.1 Công ty Quản lý Quỹ phải:

- a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
- b) Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.

64.2 Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, Người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.

64.3 Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ.

CHƯƠNG XVI

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ QUỸ

ĐIỀU 65. CÔNG BỐ THÔNG TIN, CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ

- 65.1 Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.
- 65.2 Thông báo triệu tập phiên họp Ban Đại diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban Đại diện Quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban Đại diện Quỹ hoặc được gửi bằng văn bản qua thư điện tử (email) hoặc địa chỉ liên hệ do thành viên Ban Đại diện Quỹ đăng ký với Quỹ.
- 65.3 Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt; báo cáo tài chính đã kiểm toán; báo cáo tài chính bán niên; báo cáo hoạt động của Quỹ hàng tháng, bán niên, hàng năm, Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ sẽ được cập nhật, cung cấp cho Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty Quản lý Quỹ và hệ thống Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh.
- 65.4 Đối với việc gửi thông báo qua đường bưu điện, thông báo được xem là gửi đến địa chỉ đăng ký của Nhà đầu tư sau bảy (07) ngày tính từ ngày gửi. Hóa đơn gửi thông báo được xem là bằng chứng của việc gửi thông báo.

ĐIỀU 66. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ QUỸ

- 66.1 Điều lệ Quỹ này chỉ được sửa đổi bổ sung khi được Đại hội Nhà đầu tư thông qua, phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và các quy định pháp luật hiện hành, ngoại trừ một số nội dung sửa đổi, bổ sung dưới đây không phải lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư:
- Việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh do có sự thay đổi quy định pháp lý;
 - Lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm tại Điều lệ Quỹ.
- 66.2 Trong trường hợp phát sinh những vấn đề chưa được dự liệu trong Điều lệ Quỹ thì cơ sở để giải thích, giải quyết những vấn đề đó là các quy định của pháp luật về chứng khoán và Thị trường Chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan khác.

ĐIỀU 67. ĐĂNG KÝ ĐIỀU LỆ QUỸ

- 67.1 Điều lệ Quỹ này gồm mười sáu (16) Chương, sáu mươi tám (68) Điều và ba (03) Phụ lục đã được Nhà đầu tư thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ có hiệu lực.
- 67.2 Các Nhà đầu tư, Ban Đại diện Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các bên có liên quan có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ Quỹ này.
- 67.3 Các bản trích lục hoặc bản sao y của Điều lệ Quỹ chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ.
- 67.4 Điều lệ Quỹ này được lập thành năm (05) bản có giá trị ngang nhau bằng tiếng Việt:
- một (01) bản để báo cáo với UBCKNN;

- b) ba (03) bản được lưu tại Công ty Quản lý Quỹ; và
- c) một (01) bản được lưu tại Ngân hàng Giám sát.

ĐIỀU 68. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

68.1 Quỹ được chính thức thành lập sau khi được UBCKNN cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm phối hợp với các Nhà đầu tư của Quỹ để hoàn tất mọi thủ tục thành lập Quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

68.2 Các Phụ lục đi kèm Điều lệ Quỹ sau đây là một phần không thể tách rời của Điều lệ Quỹ:

- Phụ lục số 1: Cam Kết của Công ty Quản lý Quỹ
- Phụ lục số 2: Cam Kết của Ngân hàng Giám sát
- Phụ lục số 3: Cam Kết Chung của Ngân hàng Giám sát và Công ty Quản lý Quỹ

PHỤ LỤC SỐ 1

CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“Công ty”)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 53/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 02 năm 2014, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 15/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 07 năm 2015 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 47/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 07 năm 2018.

Công ty Quản lý Quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (DFVN-CAF):

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân hàng Giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân hàng Giám sát các khoản phí và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân hàng Giám sát các thông tin sau:
 - a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, Sổ đăng ký Nhà đầu tư và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ;
 - b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c. Bản đánh giá Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ;
 - d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ Quỹ (và các Phụ lục kèm theo), Bản Cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty Quản lý Quỹ hoặc những Người có Liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công ty Quản lý Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính Công ty hoặc những Người có Liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.

PHỤ LỤC SỐ 2

CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát: **Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam)**

Giấy phép hoạt động số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2013.

Ngân hàng Giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty Quản lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân hàng Giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng Giám sát, tài sản của Công ty Quản lý Quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, xác định Giá trị Tài sản Ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty Quản lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý Quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một Công ty Kiểm toán độc lập hàng năm.

Đại diện ~~chức năng~~ **tham quyền** của Ngân hàng Giám sát



Lê Thị Thành Tâm

Giám đốc Bộ phận Hoạt động Nghiệp vụ Chứng Khoán

11/01/2013

PHỤ LỤC SỐ 3

CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công ty Quản lý Quỹ: Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

Giấy phép thành lập và hoạt động số 53/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 02 năm 2014, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 15/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 07 năm 2015 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 47/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 07 năm 2018.

Ngân hàng Giám sát: Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam)

Giấy phép hoạt động số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2013.

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà đầu tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của Nhà đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản Cáo bạch.

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ
Dai-ichi Life Việt Nam ("DFVN")




TRẦN CHÂU ĐÁNH
TỔNG GIÁM ĐỐC

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng
Giám sát





Lê Thị Thành Tâm

Giám đốc Bộ phận Hoạt động Nghiệp vụ Chứng Khoán

